TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
Số: 153/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Vũ.

Bà Lê Thị Hồng Lý.

Căn cứ vào các điều 212, 213; 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 231/2026/TLST-HN, ngày 18/5/2026.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, phường H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Đồng Công N1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Trịnh Thị Thu N và anh Đồng Công N1 tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên:* Đồng Ngọc Như Ý, sinh ngày 05/4/2021 (con đang sống với mẹ). Anh N1 và chị N tự thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

- Chị Trịnh Thị Thu N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Đồng Ngọc Như Ý, sinh ngày 05/4/2021, khi ly hôn.

- Anh Đồng Công N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do anh N1 và chị N không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng:* Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do anh N1 và chị N không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, số nợ phải trả:* Do anh N1 và chị N không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Trịnh Thị Thu N tự nguyện nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009128, ngày 13/5/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị Trịnh Thị Thu N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- UBND xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lý Thanh Lâm